TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-PT
Ngày 17-8-2018
V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến.

Ông Nguyễn Tấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017, về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị M; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị M là ông Trần Q; cư trú tại: Đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền, ngày 27 tháng 4 năm 2017).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị S; cư trú tại: Đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Phước H; cư trú tại: Phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Ngô Thị Thanh N; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Ngô Thanh Tú L; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Thanh N và ông Ngô Thanh Tú L là bà Hoàng Thị M; cư trú tại: Đường T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Văn bản ủy quyền, ngày 16 tháng 8 năm 2018).

4. Bà Lê Thị H; cư trú tại: Đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo:* Bà Hoàng Thị M, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị M, trình bày:

- Bà là vợ của ông Ngô Thanh B và có hai người con đẻ với ông B là Ngô Thị Thanh N và Ngô Thanh Tú L. Ông Ngô Thanh B; sinh ngày 16-12-1955 và đã chết ngày 16-7-2014.

- Vào ngày 12-12-1994, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Mai Phước H và bà Phạm Thị S diện tích đất 100m^2 tại địa chỉ thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng để làm nhà ở, với giá 12,7 cây vàng 96%. Khi chuyển quyền sử dụng đất thì ông Hùng, bà S có lập Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất cho ông B, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận vào ngày 23-12-1994; còn ông B có Đơn xin đất làm nhà ở, được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận cùng ngày 23-12-1994. Tuy trên thực tế hai bên chuyển nhượng diện tích đất là 100m^2 nhưng trong đó có 55m^2 là đất thuộc vệt hành lang an toàn Quốc lộ 1A nên nhà nước chỉ công nhận diện tích đất còn lại là 45m^2. Trên cơ sở đó, ngày 29-12-1994 Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) đã ra Quyết định thu hồi diện tích đất thổ cư 45m^2 của ông Hùng, bà S và giao diện tích đất này cho ông Ngô Thanh B để làm nhà ở.

- Nguyên trước đây, về nhà và đất của vợ chồng ông Mai Phước H và Phạm Thị S có thửa đất tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là 541 đường N); có Trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở số 56HH/TLNC do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp ngày 12-8-1993; và đến ngày 29-12-1994, có chuyển nhượng cho ông Ngô Thanh B một phần thửa đất như nói trên. Sau khi nhận đất thì ông B đã xây dựng ranh giới và móng nhà trên diện tích đất nhận chuyển nhượng.

- Ngày 19-7-1995, vợ chồng ông Mai Phước H và Phạm Thị S ly hôn, theo Quyết định thuận tình ly hôn số: 34/QĐTTLH của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng; khi ly hôn, tài sản chung là nhà, đất tại 541 đường N được chia như sau: Bà Phạm Thị S được quyền sở hữu và sử dụng một ngôi nhà diện tích 42,5m^2, trên diện tích đất 275m^2, có tứ cận hướng Đông giáp Quốc lộ 1A, hướng Tây giáp ao cá Bầu Tràm, hướng Nam giáp nhà ông Tăng, hướng Bắc

giáp diện tích đất chia cho ông Hùng; ông Mai Phước H được quyền sử dụng diện tích đất còn lại là 220m^2, có tứ cận hướng Đông giáp Quốc lộ 1A, hướng Tây giáp ao cá Bầu Tràm, hướng Nam giáp nhà đất chia cho bà S, hướng Bắc giáp đất ông Ngô Thanh B. Sau này ngày 20-11-2000, ông Mai Phước H lập văn bản (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H) giao cho bà S được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 220m^2 mà ông được chia khi ly hôn nói trên.

- Tháng 12 năm 2010, bà S lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại 541 đường N. Theo hồ sơ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S thì thửa đất có diện tích 1.174,8m^2 tại thửa số 27, tờ bản đồ số 25, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đường N, hướng Tây giáp nhà ông Phạm Văn Hùng, hướng Nam giáp nhà ông Phạm Văn Hùng, hướng Bắc giáp nhà bà Mai Thị Chúc. Như vậy, khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà S đã kê khai luôn phần diện tích đất mà bà S cùng ông Hùng đã chuyển nhượng cho ông B vào năm 1994 mà không có sự đồng ý của ông B và bà M là trái với quy định pháp luật.

- Năm 2015, bà S lập thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Khi biết được sự việc này bà Hoàng Thị M có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng can thiệp xử lý. Việc bà S xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cả thửa đất đã chuyển nhượng cho ông B là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà và người thừa kế của ông B. Do đó, bà yêu cầu bà S trả lại cho bà và các con của ông B diện tích đất 100m^2 trong tổng diện tích đất 1.174,8m^2 tại địa chỉ số 541 đường N.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu là nếu giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hùng, bà S với ông B bị vô hiệu thì buộc bà Phạm Thị S trả lại 12,7 cây vàng 96% đã nhận lúc chuyển nhượng đất cho nguyên đơn.

Bị đơn bà Phạm Thị S, trình bày tại văn bản ngày 12-3-2017:

- Năm 1990, vợ chồng bà được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp diện tích đất 200m^2, tại địa chỉ thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng; sơ đồ cấp đất xây dựng nhà ở cho ông Hùng bản vẽ tính theo bản đồ 299.

- Trong đơn xin chuyển quyền sử dụng đất không thể hiện việc mua bán chuyển nhượng. Ông Mai Phước H ghi chuyển quyền cho ông Ngô Thanh B và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng (hiện không rõ địa chỉ) có hộ khẩu tại xã H, chứ không có tên bà Hoàng Thị M. Riêng bà không biết việc mua bán chuyển nhượng giữa ông Mai Phước H và ông Ngô Thanh B, cho đến năm 2016 khi mà bà M đến gặp để thương lượng việc mua bán chuyển nhượng đất giữa ông Hùng và ông B trước đây thì bà mới được biết. Khi giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng bà xin sao lục chứng cứ gồm: Quyết định thu hồi đất, cấp đất xây dựng nhà ở số 1854/QĐ-UB ngày 29-12-1994; sơ đồ cấp đất xây dựng nhà ở và giấy phép xây dựng và sữa chữa công trình thì thấy, tại Quyết định số 1954/QĐ-UB ngày 29-12-1994 của Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi của ông Hùng 45m^2 đất thổ cư theo tờ bản đồ số 11 để cấp cho ông B; như vậy là mâu thuẫn từ đất của ông Hùng theo sơ đồ xin đất làm nhà, nhưng khi chuyển quyền cho ông B, bà Hồng thì theo tờ bản đồ số 11 và tại điểm 3 của Quyết định này quy định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký quyết định (29-12-1994) nếu không xây dựng thì quyết định không còn hiệu lực; nhưng đến nay đã trên 20 năm không có xây dựng công trình nhà cửa gì.

- Năm 1995, Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng giải quyết ly hôn giữa bà và ông Hùng và phân chia tài sản nhà và đất, cụ thể như sau: Phần bà: 1 cái nhà 42m^2 và 275m^2 đất; tứ cận: Hướng Đông giáp: Quốc lộ 1A, hướng Tây giáp: Ao cá Bầu Tràm, hướng Nam giáp: Nhà ông Tặng, hướng Bắc giáp: Phần đất của ông Hùng; phần ông Hùng: 220m^2 đất; tứ cận: Hướng Đông giáp:

Quốc lộ 1A, hướng Tây giáp: Ao cá Bầu Tràm, hướng Nam giáp: Đất bà S, hướng Bắc giáp: Đất ông B. Như vậy, khi chia tài sản thì 45m^2 của ông B nằm trên phần đất của ông Hùng.

- Đến năm 2000, ông Hùng làm giấy có chứng thực của Uỷ ban nhân dân phường H chuyển nhượng phần đất Tòa án chia cho ông Hùng sang cho bà, trọn quyền sử dụng. Do đó việc bà M buộc bà phải trả 100m^2 trên tờ bản đồ số 25, thửa đất số 27 là không có cơ sở.

- Về việc nhận vàng thì ngày 04-01-1995, bà có nhận của ông Ngô Thanh B 10 cây vàng 96% nhưng số vàng này không liên quan đến việc bán đất; mà giữa ông Hùng và ông B có mối quan hệ làm ăn nên ông Hùng có nhờ bà nhận giúp 10 cây vàng 96% từ ông B giao.

- Vụ án này đã được thụ lý tại thông báo số 59/TB-TLVA-DS ngày 09-6-2016; đến ngày 29-11-2016, Tòa án gửi cho bà Quyết định số 41/QĐ-STDS ngày 28-11-2016 về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do người đại diện cho nguyên đơn bà Hoàng Thị M rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nay lại yêu cầu có ý kiến và cung cấp tài liệu liên quan mà trước đó bà đã cung cấp cho Tòa án.

- Từ năm 1994 cho đến nay, bên được chuyển quyền là ông Ngô Thanh B không làm hồ sơ cắt đất và không làm nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Như vậy ai là người quản lý, ai đóng thuế để tồn tại đến bây giờ.

- Bà đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa ông Hùng và vợ chồng ông B (là bà Nguyễn Thị Hồng có tên trong quyết định cấp đất).

- Để đảm bảo quyền lợi cho bà thì bà đề nghị Tòa án xét xử vụ kiện theo đúng pháp luật để không cản trở việc bà làm hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Từ năm 2000, ông Hùng làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất chuyển phần diện tích đất theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn của Tòa

án nhân dân huyện H cho bà có xác nhận của Uỷ ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào ngày 22-12-2002. Từ đó cho đến nay bà làm nghĩa vụ đóng thuế quyền sử dụng đất cho Nhà nước với diện tích 1.174,8m^2. Do đó bà Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu bà trả lại diện tích đất 100m^2 là không có cơ sở nên bà không đồng ý trả và hòa giải tranh chấp đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Phước H trình bày, tại bản tự khai ngày 05-3-2017:

- Trước đây ông và vợ là bà Phạm Thị S có xin một thửa đất tại thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng để làm nhà ở. Khoảng năm 1993 hoặc năm 1994, ông có nhượng lại một phần thửa đất cho ông Ngô Thanh B đội trưởng đội xe con thuộc Công ty xây lắp điện 3 đóng tại Hòa Mỹ, xã Hòa Minh với giá tiền khoảng 12 cây vàng, sau đó ông B có nhờ ông xây bờ tường giữa đất ông B và ông Hiếu (là con rễ ông Mai Tấn Cơ) và yêu cầu ông xây tường rào luôn ra phía sau hồ nhưng ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý bán phần đất trên cao chứ không bán xuống dưới hồ.

- Ông và bà S sống với nhau đến năm 1995 thì ly hôn, nhưng vẫn sống cùng tại nhà 541 đường N đến năm 1999. Khi ra đi ông giao toàn bộ tài sản cho bà S toàn quyền sử dụng. Hiện tại ông không còn quyền hạn gì đối với thửa đất đó và theo ông thì bà S nên giao thửa đất đó lại cho vợ con ông B theo như thỏa thuận từ đầu với ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh N và ông Ngô Thanh Tú L, thống nhất trình bày tại văn bản ghi ngày 18-4-2017, như sau: Ông, bà (Ngô Thị Thanh N và Ngô Thanh Tú L) là con đẻ của bà Hoàng Thị M và ông Ngô Thanh B. Về nội dung tranh chấp 100m^2 đất tại địa chỉ số 541, đường N thì ông, bà thống nhất như nguyên đơn bà M đã trình bày ở trên. Nay ông, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi giao quyền sử dụng 100m^2 đất của bà M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H nhưng bà Huệ không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến về vụ án.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 690 của Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 21, 26 và 33 của Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" của bà Hoàng Thị M đối với bà Phạm Thị S về yêu cầu bà Phạm Thị S trả lại diện tích đất 100m^2 tại địa chỉ số 541, đường N, tổ 07, phường H Nam, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị M phải chịu 35.963.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng tại biên lai thu số 0006804 ngày 20-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Số tiền bà Hoàng Thị M còn phải nộp thêm là 33.463.000 đồng.

Chi phí định giá tài sản: 4.800.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000093 ngày 12-7-2017 của Công ty cổ phần Thẩm định giá BTC VALUE - Chi nhánh Đà Nẵng, bà Hoàng Thị M phải chịu. (Đã nộp và đã chi).

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09-10-2017, bà Hoàng Thị M nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên đã quyết định gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Phước H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà S, bà Huệ và ông Hùng, theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị M về nội dung do Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng, từ đó quyết định ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, thì thấy:

Vợ chồng ông Mai Phước H và bà Phạm Thị S sở hữu, sử dụng nhà đất tại địa chỉ Quốc lộ 1A, thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là số đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có Trích lục sổ nghiệp chủ nhà ở số 56HH/TLNC do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, cấp ngày 12-8-1993; trong đó diện tích nhà ở là 47m^2 và diện tích đất là 200m^2.

Ngày 12-12-1994, ông Ngô Thanh B nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của vợ chồng ông Mai Phước H và bà Phạm Thị S, với diện tích đất chuyển nhượng là 45m^2, tại địa chỉ Quốc lộ 1A, thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng; cùng ngày ông B có đơn xin đất làm nhà ở, gửi cho Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân xã H, để xin giao thửa đất nhận chuyển nhượng nói trên; và sau đó đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh

Quảng Nam Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 1854/QĐ-UB ngày 29-12-1994, về việc thu hồi diện tích đất 45m^2 của ông Mai Phước H để giao diện tích đất thu hồi cho ông Ngô Thanh B xây dựng nhà ở; cũng theo quyết định này thì nếu trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký quyết định, mà ông B không xây nhà ở thì quyết định thu hồi đất và cấp đất cho ông B không còn hiệu lực.

Tuy nhiên, sau khi được giao đất thì ông Ngô Thanh B không xây dựng nhà ở như mục đích được giao đất và không tiếp nhận để quản lý đất; cũng như không đến Ủy ban nhân dân xã H đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất và nộp thuế sử dụng đất theo quy định tại Điều 79 của Luật đất đai năm 1993. Cho đến ngày 16-7-2014, thì ông B chết. Do đó, thửa đất đã được cấp cho ông B thuộc trường hợp bị thu hồi toàn bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật đất đai năm 1993 và Điều III của Quyết định số: 1854/QĐ-UB ngày 29-12-1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ) về việc thu hồi đất, cấp đất xây dựng nhà ở.

Đến ngày 19-10-1995, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số: 1360/QĐ-UB về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số: 1854/QĐ-UB ngày 29-12-1994 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng về việc thu hồi đất và giao đất để xây dựng nhà ở cho ông Ngô Thanh B. Như vậy, quyết định thu hồi diện tích đất 45m^2 của ông Mai Phước H để giao diện tích đất thu hồi của ông Hùng tại thôn Xuân Thiều, phường H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cho ông Ngô Thanh B để làm nhà ở là không còn có giá trị sử dụng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng diện tích đất 100m^2 tại địa chỉ số 541, đường N, tổ 07, phường H Nam, quận L, thành phố Đà Nẵng của bà Hoàng Thị M đối với bà Phạm Thị S là có căn cứ pháp luật; nên kháng cáo của bà Hoàng Thị M là không

có cơ sở nên không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm về nội dung của phần quyết định này.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bà Phạm Thị S trả lại 12,7 cây vàng 96% mà bà S, ông Hùng đã nhận khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên nếu giao dịch vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn do vượt quá yêu cầu khởi kiện là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu đòi trả lại 12,7 cây vàng 96% khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước đây thì bà Hoàng Thị M có quyền khởi kiện vụ án riêng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí trên giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp 719.263.208 đồng là đúng, nhưng tính toàn bộ giá trị theo mức 5% là chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nên Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm về phần án phí để xác định lại cho đúng theo quy định của pháp luật, như sau: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M nên án phí dân sự sơ thẩm bà M phải chịu là 32.770.528 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; án phí tính theo công thức: [20.000.000 đồng + (719.263.208 đồng - 400.000.000 đồng) x 4%].

[5] Về chi phí định giá tài sản: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M nên chi phí định giá tài sản bà M phải chịu 4.800.000 đồng tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 12-7-2017, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Vì sửa bản án sơ thẩm do bà Hoàng Thị M kháng cáo nên bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm là đúng pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị M.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, Điều 147, Điều 148, Điều 161 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 698 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 26 và Điều 33 của Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp về đòi quyền sử dụng 100m^2 đất tại địa chỉ số 541, đường N, tổ 07, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng của bà Hoàng Thị M đối với bà Phạm Thị S.

2. Về án phí:

Bà Hoàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.770.528 đồng (Ba mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006804 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Bà Hoàng Thị M còn phải nộp 30.270.528 đồng (Ba mươi triệu, hai trăm bảy mươi ngàn, năm trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà M 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000558 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

3. Về chi phí định giá tài sản: Bà Hoàng Thị M phải chịu chi phí định giá quyền sử dụng đất với số tiền là 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm ngàn đồng); đã nộp tạm ứng và đã chi thanh toán xong theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000093 ngày 12-7-2017 của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE chi nhánh Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận L;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hà Nam